

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2021

V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm: 1996; đăng ký thường trú: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa – vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh E, sinh năm: 1993; đăng ký thường trú: Xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng; đăng ký tạm trú: Tổ 1, khu phố 2, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày:

Bà T và ông Huỳnh E chung sống từ năm 2019, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, cấp ngày 01/8/2019, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, ông E thường hay

uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình. Bà T và ông E không còn sống chung từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông E.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh V, sinh ngày 01/12/2019. Từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay, cháu V sống với bà T. Nay bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông E cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng. Bà T nhận thấy từ khi vợ chồng sống xa nhau, ông E không thăm nom, chu cấp gì để nuôi con, bản thân bà T bán hàng online có thu nhập đủ để ổn định cuộc sống và nuôi con. Do đó, bà T rút yêu cầu về việc buộc ông E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh E đã được tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông E không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông E cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh E đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông Em đều vắng mặt; việc vắng mặt của ông E không vì lý do bất khả kháng. Nguyên đơn bà Nguyễn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông E tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh

Khánh Hòa. Hôn nhân giữa bà T và ông E là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện hai người không còn chung sống và không ai quan tâm đến cuộc sống của người còn lại. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông E để trả tự do cho nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông E đến Toà án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông E không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt tại Toà án. Qua đó cho thấy ông E không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Thanh, ông E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận cho bà Thanh ly hôn với ông E.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông E có 01 con chung là: Huỳnh V, sinh ngày 01/12/2019. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hiện tại cháu V dưới 36 tháng tuổi, trong thời gian cha mẹ không chung sống với nhau, cháu V được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó yêu cầu của bà T về quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Em có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Thanh và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Em trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2021, bà Thanh yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Ngày 20/10/2021, bà T làm đơn rút lại yêu cầu này. Do đó, Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi vợ chồng bà T, ông E ly hôn.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T yêu cầu ly hôn với ông E, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T với bị đơn ông Huỳnh E về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T và ông Huỳnh E được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn T tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Huỳnh V, sinh ngày 01/12/2019.

Ông Huỳnh E không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh E có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Nguyễn T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông E trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/0057153 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân